ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 496 /QĐ-UBND ngày 11/ 9 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 25/01/2022 của Ban Chấp hành tỉnh đảng bộ khóa XIV về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu và miền núi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (gọi tắt là Chương trình) nhằm đạt được các mục tiêu của Chương trình được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo thực hiện đúng định hướng, đạt mục tiêu của Chương trình và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức thực hiện đồng bộ, kịp thời, thống nhất và có hiệu quả các hoạt động của Chương trình.

- Các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan thường xuyên kiểm tra, đánh giá khách quan, toàn diện kết quả thực hiện thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan chủ trì quản lý Chương trình (Ban Dân tộc tỉnh).

II. MỤC TIÊU VÀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi theo hướng bền vững, gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích

cực, tăng dần tỷ trọng dịch vụ, du lịch, công nghiệp; trong đó cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường.

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào DTTS và miền núi; phát triển KT - XH theo hướng bền vững, gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học; nâng cao thu nhập cho người dân. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người dân. Tạo sự chuyển biến căn bản về phát triển KT - XH, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, xóa bỏ các tập quán lạc hậu. Củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đồng thời từng bước thu hẹp khoảng cách với các vùng khác trên địa bàn tỉnh; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn (ĐBKK).

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

- Tiếp tục củng cố và phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với doanh nghiệp sản xuất-chế biến tiêu thụ sản phẩm cả về quy mô, chất lượng hoạt động; Phấn đấu trong 5 năm tới mỗi huyện thành lập mới ít nhất 01 đơn vị hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tổng hợp tại xã có đông đồng bào DTTS sinh sống; mỗi xã vùng đồng bào DTTS và miền núi thành lập mới ít nhất 02 Tổ hợp tác. Đến năm 2025, giảm 50% xã, thôn ĐBKK; thu nhập bình quân đầu người tăng 2 lần so với năm 2020; giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 3%/năm.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 98% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí, ổn định 90% hộ di cư không theo quy hoạch; Quy hoạch sắp xếp, di dời định cư 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở; Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường 97%, học trung học cơ sở 95%, học trung học phổ thông 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông 90%.

- Phát triển công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS và miền núi; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở

cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

3. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

- Thu nhập bình quân của người DTTS bằng 1/2 bình quân chung của cả tỉnh; giảm hộ nghèo xuống dưới 10%. Cơ bản không còn các xã, thôn ĐBKK; 70% số xã vùng đồng bào DTTS và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào DTTS, hàng năm thu hút ít nhất 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030, có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; phấn đấu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông-lâm nghiệp hàng hóa.

- Xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì 77% tỷ lệ che phủ rừng; giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH và đời sống của người dân.

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

4. Phạm vi, đối tượng

4.1. Phạm vi

Đề án thực hiện ở địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn ĐBKK trong vùng đồng bào DTTS và miền núi.

4.2. Đối tượng

- Các xã, thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi (theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Dân tộc quy định). Trong đó tập trung ưu tiên đầu tư cho địa bàn ĐBKK trong vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số.

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBKK.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào DTTS và miền núi.

III. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Mục tiêu: Cơ bản giải quyết đối tượng hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã, thôn ĐBKK, bao gồm: Hộ chưa có đất ở, nhà ở hoặc có nhà ở tạm, dột nát được hỗ trợ đất ở, nhà ở; hộ làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức của địa phương có nhu cầu được hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề; hộ chưa sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành được hỗ trợ nước sinh hoạt phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tiễn của người DTTS và địa bàn sinh sống.

b) Đối tượng: Hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

c) Nội dung:

- Nội dung số 01, hỗ trợ đất ở: Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho các đối tượng nêu trên phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và pháp luật về đất đai, cụ thể: Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng; ở các địa phương không có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ cho người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

- Nội dung số 02, hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

- Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: Hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương thì được hưởng một trong hai chính sách sau:

+ Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Ưu tiên hỗ trợ để mua sắm trang bị hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng công trình nước tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn, vùng ĐBKK chưa có nguồn nước hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

* Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Dự án này có nhu cầu vay vốn được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để có đất ở, xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01, 03.

- Sở Xây dựng chủ trì, thẩm định, ý kiến về mẫu nhà theo phong tục tập quán của địa phương đảm bảo 3 cứng (cứng nền cứng, khung tường cứng, mái cứng).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 04.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh và cơ quan chủ trì các nội dung số 02, 04 của Chương trình.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) Mục tiêu: Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

b) Đối tượng: Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Hộ gia đình, cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn ĐBKK; hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn ĐBKK, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư; xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS.

c) Nội dung:

- Hỗ trợ khảo sát vị trí, địa điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư; đầu tư xây dựng đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); công trình thủy lợi nhỏ, điện, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

- Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình: Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất (đối với trường hợp phải thay đổi chỗ ở); hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư; thực hiện các chính sách hỗ trợ hiện hành khác đối với các hộ được bố trí ổn định như người dân tại chỗ.

- Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất); xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, các công trình thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác.

d) Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Dự án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1. Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

a) Mục tiêu: Tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

b) Đối tượng:

- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng;

- Cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

c) Nội dung:

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.

- Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.

- Đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ.

- Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan.

- Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu Dự án theo định kỳ, đột xuất.

3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS

3.2.1. Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

a) Mục tiêu: Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng địa phương; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS.

b) Đối tượng: Hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã, thôn ĐBKK; các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người DTTS.

- Địa bàn: Các xã, thôn thuộc vùng đồng bào DTTS.

c) Nội dung: Ưu tiên tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường, trong đó:

- Với các huyện có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn để hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện, tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

+ Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

+ Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật.

+ Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

+ Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối.

+ Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ để củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

- Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất.

+ Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

+ Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

+ Các đối tượng của Tiểu Dự án được vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01.

- Ủy ban nhân dân các huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện nội dung số 01 trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện

nội dung số 01 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh và cơ quan chủ trì nội dung số 01 của Chương trình (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Ngân hàng Chính sách-Xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

3.2.2. Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

a) Mục tiêu: Bước đầu thí điểm hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển dược liệu quý; hình thành ý thức nuôi trồng dược liệu theo chuỗi giá trị và bảo tồn nguồn gien dược liệu đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

b) Đối tượng: Các dự án phát triển dược liệu quý có hoạt động ở các địa bàn ĐBKK vùng đồng bào DTTS, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người DTTS (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), do các tổ chức kinh tế và cá nhân, hộ gia đình người DTTS, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tham gia thực hiện và cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu trong vùng; thôn, xã thuộc huyện Bác Ái.

c) Nội dung:

- Địa phương nơi triển khai dự án căn cứ điều kiện thực tế hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đất để triển khai dự án.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước) để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

- Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ.

- Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

- Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.

- Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm.

- Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người DTTS.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS.

d) Phân công thực hiện:

- Ủy ban nhân dân huyện Bác Ái chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tổ chức thực hiện nội dung số 02; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung số 02 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách đối với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3.2.3. Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS

a) Mục tiêu: Thúc đẩy, hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa, dịch vụ ở khu vực các xã ĐBKK vùng đồng bào DTTS; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh trong đồng bào DTTS dựa trên tiềm năng, thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương; tạo việc làm và thu nhập ổn định kết hợp với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng các DTTS.

b) Đối tượng: Doanh nghiệp, Hợp tác xã (HTX) đang hoạt động trên địa bàn các xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất; doanh nghiệp, HTX mới thành lập có các hoạt động và sử dụng lao động trên địa bàn các xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS; các trường đại học có đông sinh viên DTTS theo học và có các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tại các xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS; hộ gia đình, cá nhân người DTTS; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã, thôn vùng đồng bào DTTS.

c) Nội dung: Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS; Hỗ trợ xây dựng, vận hành các dự án "Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS" tại các trường tham gia dự án; Định kỳ hàng năm tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS; Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS; Tổ chức hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện nội dung số 03; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung số 03 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

- Sở Công thương thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS.

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

4.1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS

a) Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, thôn ĐBKK; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã, cụ thể: 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Phạm vi: Các xã, thôn vùng đồng bào DTTS.

b) Nội dung:

(1) Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS; ưu tiên đối với các xã, thôn ĐBKK.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn.

- Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã).

- Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã ĐBKK trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã ĐBKK nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào DTTS.

- Đầu tư xây dựng 02 nhà hỏa táng điện.

- Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn ĐBKK và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

(2) Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS.

c) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01 ***(trừ dự án xây dựng nhà hỏa táng điện)***; chủ trì, phối hợp với các Sở: Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế chỉ đạo các địa phương rà soát danh mục đầu tư bảo đảm không trùng lặp về nội dung, nguồn vốn trên cùng một địa bàn.

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan tổ chức thực hiện nội dung xây dựng nhà hỏa táng điện ở vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 02.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu Dự án 1 trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung số 01, 02 của Tiểu Dự án 1 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh, Sở Công Thương.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- Mục tiêu: Củng cố và phát triển hợp lý hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT); đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học (bao gồm cả các hoạt động dạy và học trực tuyến), nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh nội trú (HSNT). Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường PTDTNT. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xoá mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

a) Đối tượng:

- Hệ thống các trường PTDTNT và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập cho các trường PTDTNT ở vùng DTTS, vùng có điều kiện KT - XH ĐBKK, các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn, xuống cấp;

- Cán bộ quản lý, giáo viên, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ (Bộ đội biên phòng, trụ trì, sư sãi tại các chùa, các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm và các đối tượng khác) ở vùng đồng bào DTTS. Ưu tiên đầu tư cho các địa phương thuộc vùng có điều kiện KT - XH đặc biệt khó khăn.

b) Nội dung:

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường PTDTNT: Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác; Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh DTTS; Ưu tiên đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào DTTS sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để tổ chức hoạt động.

- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Triển khai tài liệu phục vụ hướng dẫn xóa mù chữ theo hướng dẫn Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hỗ trợ người dân tham gia xóa mù chữ.

c) Phân công thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Tiểu Dự án 1; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu Dự án 1 theo định kỳ, đột xuất về cơ quan chủ trì quản lý Chương trình (Ban Dân tộc tỉnh).

5.2. Tiểu Dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS

a) Mục tiêu:

- Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào DTTS.

- Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS.

b) Đối tượng:

- Bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc và dạy tiếng DTTS: Cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc ở các Sở, Ban, ngành tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng DTTS; dạy tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3, 4 tiếp xúc trực tiếp, làm việc với đồng bào DTTS;

- Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức học tập và công tác trên địa bàn vùng đồng bào DTTS và trong các cơ quan công tác dân tộc được hỗ trợ trong đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học; ưu tiên người DTTS thuộc hộ DTTS nghèo ở các xã ĐBKK, người DTTS có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ DTTS.

c) Nội dung:

(1) Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS.

- Bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS.

(2) Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học

- Đối với bồi dưỡng hệ dự bị đại học: Hỗ trợ cho trường đại học tổ chức bồi dưỡng hệ dự bị đại học cho học sinh vùng đồng bào DTTS đảm bảo quy mô tối thiểu 200 sinh viên/1 vạn dân (người DTTS) thuộc DTTS có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Đối với đào tạo đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS với quy mô đào tạo đạt tối thiểu 200 sinh viên/1 vạn dân (người DTTS) thuộc các DTTS có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Đối với đào tạo sau đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ sau đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng DTTS, đạt tỷ lệ khoảng 0,7% cán bộ có trình độ sau đại học thuộc các DTTS có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung "Bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS".

- Ban Dân tộc phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan tổ chức thực hiện nội dung "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS".

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp Sở Nội vụ, Ban Dân tộc tổ chức thực hiện nội dung 02, Tiểu Dự án 2; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu Dự án 2 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

5.3. Tiểu Dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS

a) Mục tiêu: Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS. Hỗ trợ lao động là người DTTS tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên DTTS sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

b) Đối tượng: Người lao động là người DTTS, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào DTTS; các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người DTTS và người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào DTTS đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào DTTS đi làm việc ở nước ngoài.

c) Nội dung: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo; Hỗ trợ đào tạo nghề; Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào DTTS để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS; Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào DTTS: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo; Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; áp dụng bộ chỉ số đánh giá thực hiện công việc, đo lường, đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và triển khai phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức thực hiện Tiểu Dự án 3; tổ chức kiểm tra, giám sát,

đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu Dự án 3 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

5.4. Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) Mục tiêu: Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình (bao gồm: Quy trình triển khai dự án, tiểu dự án của Chương trình; quy trình, kỹ năng làm chủ đầu tư, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý tài chính và thanh quyết toán; quy trình lập kế hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện), các kỹ năng về phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và thôn.

b) Đối tượng:

- Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người DTTS và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực.

- Cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, Ban, ngành tỉnh chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình) và cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

- Nội dung: Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công; Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; Thực hiện nâng cao năng lực chuyên sâu phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các nhóm địa bàn: Ưu tiên các xã còn yếu về năng lực làm chủ đầu tư, về thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những dự án, công trình cụ thể; tập trung vào các nội dung còn thiếu, còn yếu của cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng; Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan (ngoài các cơ quan tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện Chương trình) để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

c) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hướng dẫn và chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu Dự án 4; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu Dự án 4 theo định kỳ, đột xuất theo quy định.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Mục tiêu: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào DTTS để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

b) Đối tượng: Các huyện, thành phố có xã, thôn thuộc vùng đồng bào DTTS; bản sắc văn hóa, di sản của các DTTS; đồng bào các DTTS; nghệ nhân người DTTS; cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào DTTS; lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào DTTS; doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào DTTS.

c) Nội dung: Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS; Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch; Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận; Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống, tiếng nói, chữ viết và các giá trị văn hóa khác); Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các DTTS (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các DTTS, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các DTTS; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các DTTS; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các DTTS có di sản tương đồng); Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các ấp, khóm vùng đồng bào DTTS, vùng di dân tái định cư; Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống; Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu; Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS để cấp phát cho cộng đồng các DTTS; Tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS; Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS; Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào DTTS kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào DTTS; Hỗ trợ đầu tư bảo tồn thôn văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS; Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS; Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS; Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

d) Phân công thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Dự án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Mục tiêu: Cải thiện sức khoẻ của người DTTS về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS.

b) Đối tượng: Người dân tại vùng đồng bào DTTS, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi; trung tâm y tế huyện; cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện; nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dân số; cô đỡ thôn.

c) Nội dung:

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS: Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện; Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn; Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã; Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã; Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn; Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm.

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS: Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS; Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh; Ổn định và phát triển dân số của đồng bào DTTS tại vùng đồng bào DTTS.

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS: Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS; Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em; Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

d) Phân công thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất về cơ quan chủ trì quản lý Chương trình (Ban Dân tộc tỉnh).

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới (BĐG) và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu BĐG.

a) Đối tượng: Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và thôn ĐBKK, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người DTTS trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, người khuyết tật.

b) Nội dung:

- Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em: Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng; Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em; Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em; Triển khai gói hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khoẻ trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy BĐG và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em: Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới; Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS; Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình; Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.

- Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển KT - XH của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị: Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề KT - XH tại địa phương; Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển KT - XH của cộng đồng thông qua mô hình Câu lạc bộ "thủ lĩnh của sự thay đổi"; Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện BĐG trong thực hiện Chương trình; Nâng cao năng lực của phụ nữ DTTS tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử.

- Trang bị kiến thức về BĐG, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị; Ban quản lý thôn; chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng: Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện BĐG; Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới; Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho các cấp; Đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực.

c) Phân công thực hiện:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan triển khai hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn định mức chi, nội dung thanh, quyết toán nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 8.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn (dân tộc Raglai)

a) Mục tiêu: Xóa đói, giảm nghèo nhanh, bền vững, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc Raglai còn gặp nhiều khó khăn, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập so với các dân tộc khác trong vùng; góp phần nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, hỗ trợ cải thiện chất lượng dân số, thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, cộng đồng và xây dựng cơ sở chính trị ở thôn bản vững mạnh; cũng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Đối tượng: Hộ dân tộc nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Ninh Thuận đối tượng là đồng bào dân tộc Raglai sinh sống ổn định thành cộng đồng).

- Phạm vi: Các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn các xã khu vực III, các thôn ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này thì không được thụ hưởng chính sách tại các Dự án khác của Chương trình.

c) Nội dung:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế:

+ Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt. Trường hợp xác định vật nuôi hoặc cây trồng khác phù hợp với địa phương, thực hiện đầu tư và tính quy đổi giá trị từ bò, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ/hộ không thay đổi so với hạn mức được giao.

+ Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu Dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách-Xã hội tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu Dự án trên địa bàn bảo đảm không trùng lắp đối tượng, nội dung với các Dự án, Tiểu Dự án khác thuộc Chương

trình; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu Dự án theo định kỳ, đột xuất.

9.2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS

a) Mục tiêu: Chuyển đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào DTTS góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS. Năm 2025, phấn đấu trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội xã được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS; đến năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS.

b) Đối tượng: Nhóm vị thành niên, thanh niên là người DTTS; các bậc cha mẹ và học sinh các trường PTDTNT; nhóm phụ nữ và nam giới người DTTS tảo hôn, kết hôn cận huyết thống; lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong vùng đồng bào DTTS; người có uy tín trong cộng đồng các DTTS.

c) Nội dung:

- Công tác truyền thông: Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình. Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS. Tổ chức các hội thi tìm hiểu pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Duy trì và triển khai mô hình tại xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án.

- Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan xác định đối tượng, địa bàn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu Dự án 2; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu Dự án 2 theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Y tế triển khai hướng dẫn về chuyên môn của nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống thuộc Tiểu Dự án 2.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

10.1. Tiểu Dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021 - 2025

10.1.1. Nội dung 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

a) Mục tiêu: Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

b) Đối tượng: Ban quản lý thôn, người có uy tín, cán bộ cốt cán có uy tín vùng trong đồng bào DTTS; các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của đất nước.

c) Nội dung:

- Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS.

- Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS.

- Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến.

- Định kỳ tổ chức (2 năm/lần đối với cấp huyện và cấp tỉnh) các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với các điển hình tiên tiến (Trưởng ban nhân dân thôn, người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người DTTS và các đối tượng khác) trong vùng đồng bào DTTS.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm, gặp mặt, tọa đàm, tặng quà, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội theo khu vực, vùng miền.

- Xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS.

d) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung 01 theo định kỳ, đột xuất.

10.1.2. Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS; tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS

a) Mục tiêu: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho Ban quản lý thôn, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào DTTS và Nhân dân.

b) Đối tượng: Người dân ở vùng đồng bào DTTS; cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương; cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS; lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã, ấp; Ban quản lý thôn, người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS; doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng ĐBKK.

c) Nội dung:

- Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi (bằng các hình thức phù hợp), nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng nghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng DTTS), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ DTTS.

- Thực hiện việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào DTTS, vùng ĐBKK theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng đồng bào DTTS, vùng ĐBKK.

- Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào DTTS tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Đầu tư cho Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan triển khai hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 02; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các Sở, ban, ngành có liên quan triển khai.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện nội dung đầu tư cho Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh Ninh Thuận.

10.1.3. Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS.

a) Mục tiêu: Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào DTTS, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.

b) Đối tượng: Ban quản lý thôn, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào DTTS; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan.

c) Nội dung: Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào DTTS; Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người DTTS, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc DTTS; Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người DTTS phủ sóng toàn tỉnh vùng đồng bào DTTS; Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào DTTS; Cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS;

d) Phân công thực hiện: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện nội dung 03; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

10.2. Tiểu Dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT - XH cho vùng đồng bào DTTS, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình.

b) Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương; cơ quan chủ trì quản lý Chương trình ở cấp tỉnh và các cơ quan Thường trực Chương trình ở địa phương; các xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS.

c) Nội dung: Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo tỉnh và các bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển KT - XH và đảm bảo an ninh trật tự; Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS.

d) Phân công thực hiện:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Tiểu Dự án 2 (trừ nội dung giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì); Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất về Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung "Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS".

10.3. Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

b) Đối tượng: Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

c) Nội dung:

- Triển khai Bộ chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện (áp dụng công nghệ 4.0, phần mềm ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động) khi có hướng dẫn của Ủy Ban Dân tộc và các Bộ, ngành Trung ương

- Triển khai phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình.

- Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

- Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện điểm Chương trình tại một số địa bàn phù hợp.

- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình các cấp tại địa phương.

(Không bao gồm nội dung kiểm tra, giám sát, đánh giá và xây dựng bộ chỉ số KPI của Tiểu Dự án 3 thuộc Dự án 5).

d) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Tiểu Dự án 3.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tổng vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 là 2.283.973 triệu đồng; Trong đó, nguồn vốn được lồng ghép 03 Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, cụ thể:

1. Tổng vốn đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi là 1.936.535 triệu đồng; Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 1.296.642 triệu đồng (Vốn đầu tư: 605.118 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 691.524 triệu đồng).

- Vốn ngân sách địa phương: 194.496 triệu đồng (Vốn đầu tư: 90.768 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 103.729 triệu đồng).

- Vốn vay tín dụng chính sách: 317.125 triệu đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác: 128.272 triệu đồng.

2. Tổng vốn lồng ghép từ 02 Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và giảm nghèo bền vững là 347.438 triệu đồng *(Nguồn vốn đầu tư)*; Trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: 190.690 triệu đồng.

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 156.748 triệu đồng.

V. GIẢI PHÁP; CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về nguyên tắc và giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

- Ưu tiên sử dụng các cấu kiện xây dựng theo mô-đun lắp ghép bảo đảm thi công nhanh, giảm chi phí phục vụ các công trình. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

- Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Hài hòa các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung đầu tư có định mức cao hơn để tổ chức thực hiện đối với các đối tượng thụ hưởng; đảm bảo nguyên tắc không trùng lắp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Về giải pháp huy động vốn

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách Nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; tăng cường huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ; quản lý, thực hiện Chương trình

- Ưu tiên bố trí ngân sách Trung ương đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối, công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển KT - XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các xã khu vực III và thôn ĐBKK; đầu tư trường dân tộc nội trú cho các huyện có đông đồng bào DTTS sinh sống nhưng chưa có địa điểm hoặc phải thuê địa điểm hoạt động.

- Bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương của Chương trình để thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ sau:

+ Triển khai Đề án thí điểm, chỉ đạo điểm tại một số địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt (khi Trung ương chỉ đạo thực hiện Đề án thí điểm tại tỉnh).

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ tạo sinh kế cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thông qua dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dựa trên quy hoạch, kế hoạch, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương; ưu tiên hỗ trợ cho các hộ DTTS là hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tự nguyện đăng ký tham gia dự án thông qua nhóm hộ, cộng đồng. Nguồn vốn thực hiện dự án từ ngân sách Nhà nước, vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc các tổ chức tín dụng do Nhà nước chỉ định thực hiện việc cho vay ưu đãi, nguồn vốn lồng ghép thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, nguồn vốn đối ứng của hộ gia đình.

- Thực hiện cơ chế đặc thù trong tổ chức quản lý, thực hiện Chương trình phù hợp với vùng đồng bào DTTS.

- Thực hiện nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình.

- Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi trong thực hiện Chương trình.

4. Về hoàn thiện bộ máy quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, cụ thể:

- Cấp tỉnh: Kiện toàn Ban Chỉ đạo chung cho các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh theo quy định.

- Cấp huyện: Kiện toàn hoặc thành lập mới Ban Chỉ đạo chung cho cả 03 Chương trình theo quy định. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp huyện.

- Cấp xã: Thành lập Ban quản lý để tổ chức thực hiện Chương trình.

5. Về công tác tuyên truyền: Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng mục tiêu của Chương trình đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân và người DTTS nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người DTTS, nhất là người nghèo DTTS.

6. Về khoa học, kỹ thuật và công nghệ: Tăng cường nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; triển khai cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc.

7. Về mở rộng hợp tác quốc tế: Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ trong quá trình xây dựng và thực hiện Chương trình để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, đồng thời tranh thủ sự trợ giúp về kỹ thuật và nguồn lực để thực hiện thành công mục tiêu của Chương trình.

VI. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh

1.1. Ban Dân tộc tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan triển khai thực hiện và hướng dẫn thực hiện hiệu quả Kế hoạch này và kế hoạch hàng năm sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; đồng thời, tổ chức sơ kết, tổng kết, tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ vốn chi tiết trung hạn và hàng năm để thực hiện Kế hoạch này.

- Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung, hoạt động đầu tư, hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lắp với các chương trình, dự án khác và các hoạt động thường xuyên của các Sở, ban, ngành, địa phương.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các đơn vị có liên quan tham mưu giao chỉ tiêu và cân đối, phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh, đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu, trình cấp có thẩm quyền phân bổ vốn chi tiết trung hạn và hàng năm để thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan triển khai hướng dẫn quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

1.3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các Sở, ban, ngành có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương để tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí phù hợp để thực hiện Kế hoạch này theo quy định. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và các quy định tài chính hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành triển khai thực hiện quy định về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

1.4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan triển khai hướng dẫn quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh tỉnh Ninh Thuận và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện chính sách, giải pháp bảo đảm huy động đủ mức vốn tín dụng chính sách tối thiểu để thực hiện Chương trình.

1.5. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch giai đoạn 05 năm, hàng năm để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công; lồng ghép thực hiện Kế hoạch này với các chương trình, dự án khác được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

- Hướng dẫn triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung được phân công chủ trì thuộc lĩnh vực của ngành.

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lắp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các Sở, ban, ngành, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các Sở, ban, ngành có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung được phân công chủ trì theo quy định, gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc.

1.6. Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Tăng cường công tác tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch này.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách xây dựng kế hoạch 05 năm và hàng năm để triển khai tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lắp với các chương trình, dự án, đề án khác theo phân cấp quản lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo chung các Chương trình mục tiêu quốc gia và bộ máy tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp huyện theo quy định.

- Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Tham gia tổ chức thực hiện và giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này./.